

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Viện: CNSH và MT

Bộ môn: CNSH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 1**
- Tiếng Anh: **SPECIALIZED TOPIC IN BIOTECHNOLOGY 1**

Mã học phần: BIO3513

Số tín chỉ: 5(5-0)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết:

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Trong HP này, sinh viên được giới thiệu cập nhật các thông tin, xu hướng mới nhất trong thời điểm hiện tại của ngành CNSH bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm. Sau đó, dưới sự hướng dẫn của các giảng viên có chuyên môn liên quan, sinh viên được hướng dẫn tìm hiểu giải quyết các vấn đề cụ thể của xu hướng.

3. Mục tiêu:

Học phần giúp sinh viên định hướng, vận dụng các kiến thức chuyên môn đã học để tìm hiểu, phân tích, giải thích và giải quyết các vấn đề thời sự được xã hội quan tâm của chuyên ngành CNSH.

4. Kết quả học tập mong đợi (KQHT): Sau khi học xong học phần này, người học có thể

Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên (SV) có khả năng:

1. Nắm bắt được xu hướng CNSH được quan tâm trong thời điểm hiện tại.
2. Phát hiện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tế sản xuất hoặc một vấn đề lý thuyết cụ thể.
3. Tổng quan được các vấn đề liên quan, phân tích, đánh giá hiện trạng dẫn đến vấn đề cần nghiên cứu; đánh giá/đưa ra được cơ sở lựa chọn phương pháp, các thông số nghiên cứu.
4. Viết báo cáo tổng quan nghiên cứu.

5. Kế hoạch thực hiện:

5.1. Thời gian biểu

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Thời gian</i>
1.	Lí thuyết chuyên đề 1 + Bài kiểm tra 1	4 buổi học + 1 buổi kiểm tra (Cuối tháng 3/2021)

2.	Lí thuyết chuyên đề 2 + Bài kiểm tra 2	4 buổi học + 1 buổi kiểm tra (Giữa tháng 3/2021)
3.	Tiểu luận chuyên đề (chọn 1 trong 2 hướng tùy theo chuyên ngành)	6 tuần (1/3-11/4/2021)
4.	Nộp báo cáo cho kiểm tra đạo văn lần 1	12/4/2021
5.	Sửa chữa, nộp lại cho kiểm soát đạo văn lần 2, 3 (nếu có)	2 tuần
6.	Vấn đáp	26/4/2021

5.2. Nội dung:

❖ *Lí thuyết 1: Xét nghiệm bệnh và sản xuất vắc-xin Sars-CoV-2*

6 nhóm: chọn các vấn đề liên quan tới nguyên nhân gây bệnh, qui trình/phương pháp xét nghiệm (huyết thanh, nuôi cấy virus, PCR, giải trình tự gen), sản xuất vắc-xin.

❖ *Lí thuyết 2: Sản xuất rau an toàn, cho 11 sv thuộc chuyên ngành TP-TS*

Chủ đề 6 nhóm tiểu luận: tìm hiểu mô hình/qui trình sản xuất rau an toàn liên quan tới: trồng rau truyền thống, trồng rau trong nhà lưới, trồng rau thủy canh, sản xuất rau ăn lá, sản xuất rau ăn củ, sản xuất rau ăn quả

6. Đánh giá kết quả học tập:

6.1. Điểm của HP chuyên đề 1 = (KT1 + KT2 + 2*Tiểu luận)/4

6.2. Tiểu luận được đánh giá theo Rubric như sau:

Điểm đánh giá tiểu luận = (Điểm của CBHD + Điểm của cán bộ chấm 1 + Điểm của cán bộ chấm 2) / 3.

Trong đó,

- Điểm của CBHD = Điểm mục 1 x 50% + điểm mục 2 x 50%.
- Điểm của cán bộ chấm = Điểm mục 3.

A. Tổng thể RUBRIC đánh giá tiểu luận chuyên đề

TT	Cán bộ	Nội dung và tỷ lệ (%)			
1	CBHD	Quá trình thực hiện	50	Chuyên cần	10
				Thái độ của SV	30
				Chuyên môn	60
2		Hoàn thành CĐTĐN	50	Nội dung báo cáo	70

				Khả năng viết và trình bày	20
				Hoàn thành đúng hạn	10
3	Cán bộ chấm	Chấm CĐTĐN	100	Hình thức báo cáo	10
				Nội dung báo cáo	40
				Vấn đáp	50
4	Đánh giá chung	Điểm đánh giá CĐTĐN = (Điểm của CBHD + Điểm của cán bộ chấm 1 + Điểm của cán bộ chấm 2) / 3. (Theo Quyết định số 674/QĐ-ĐHNT ngày 11/06/2018).			

B. Chi tiết RUBRIC đánh giá CĐTĐN

1. Quá trình thực hiện (50%)

Tiêu chí	KQHT	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt	
			10 – 9	8 – 7	6 – 5	< 5	
Chuyên cần		10	Có mặt đầy đủ các buổi làm việc theo yêu cầu của GVHD	Có mặt 80%	Có mặt 50%	Có mặt dưới 50%	
Thái độ của SV		30	Thực hiện tốt, đầy đủ các yêu cầu của GVHD. Thường xuyên trao đổi với GVHD. Chủ động, tích cực trong công việc.	Thực hiện tương đối tốt, đầy đủ các yêu cầu của GVHD. Thường xuyên trao đổi với GVHD. Tương đối chủ động, tích cực trong công việc.	Thực hiện tương đối đầy đủ các yêu cầu của GVHD. Trao đổi với GVHD chưa thường xuyên. Đôi lúc chưa chủ động, tích cực trong công việc.	Không thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GVHD.	

Chuyên môn	1-4	60	Có khả năng xây dựng đề cương nghiên cứu/khảo sát phù hợp. Thực hiện tốt các nội dung của đề cương theo đúng kế hoạch.	Có khả năng xây dựng đề cương nghiên cứu/khảo sát trương đối phù hợp. Thực hiện trương đối tốt các nội dung của đề cương theo kế hoạch.	Đề cương nghiên cứu/khảo sát có một số điểm còn chưa phù hợp. Thực hiện các nội dung của đề cương chưa hoàn toàn theo kế hoạch.	Đề cương nghiên cứu/khảo sát có chưa phù hợp. Thực hiện các nội dung của đề cương không theo kế hoạch.	
Tổng cộng							

2. Hoàn thành CDTN (50%)

Tiêu chí	KQHT	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt	
			10 - 9	8 - 7	6 - 5	< 5	
Nội dung báo cáo	1-4	70	Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện CDTN) rõ ràng. Nội dung đầy đủ, dữ liệu phong phú, cập nhật, thích hợp cho chủ đề được giao. Lập luận chặt chẽ, có cơ sở rõ ràng, tin cậy.	Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện CDTN) trương đối rõ ràng. Nội dung đầy đủ, dữ liệu trương đối phong phú, cập nhật, thích hợp cho chủ đề được giao. Lập luận có cơ sở rõ	Đặt vấn đề chưa thực sự rõ. Nội dung đầy đủ nhưng sử dụng thông tin ít thích hợp cho chủ đề được giao. Lập luận có cơ sở chưa thật rõ ràng, tin cậy, mang tính chủ quan.	Không đặt vấn đề hoặc đặt vấn đề không rõ, không liên quan. Nội dung không đầy đủ hoặc không thích hợp với chủ đề được giao. Thiếu lập luận hoặc lập luận không có	

				ràng, tin cậy.		ơ sở, mang tính chủ quan.	
Khả năng viết và trình bày	4	20	Viết và trình bày rõ ràng, logic, đúng quy định. Chỉnh sửa ≤ 2 lần.	Viết và trình bày trong đối rõ ràng, logic, đúng quy định. Chỉnh sửa ≤ 3 lần.	Viết và trình bày chưa rõ ràng, logic, còn lỗi trình bày. Chỉnh sửa ≤ 4 lần.	Trình bày lủng củng, không logic . Chỉnh sửa ≥ 5 lần.	
Hoàn thành đúng hạn		10	Nộp CĐTN đúng hạn	Nộp CĐTN trước thời gian gia hạn	Nộp đúng thời gian gia hạn	Nộp sau gia hạn	
Tổng cộng							

3. Chấm điểm CĐTN

Tiêu chí	KQHT	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt	
			10 - 9	8 - 7	6 - 5	< 5	
Hình thức báo cáo	4	10	Trình bày đúng định dạng quy định, cân đối giữa các phần, không hoặc có ít lỗi chính tả, hình ảnh/biểu bảng rõ ràng. Trích dẫn tài liệu đúng quy định. Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu.	Có một vài lỗi trình bày nhỏ, trong đối cân đối giữa các phần, còn một số lỗi chính tả, một số hình ảnh/biểu bảng không rõ ràng. Một số tài liệu trích dẫn chưa thống nhất theo quy định. Văn phong trương đối	Còn nhiều lỗi định dạng và lỗi chính tả, thiếu sự cân đối giữa các phần, hình ảnh/biểu bảng không rõ ràng. Tài liệu trích dẫn chưa thống nhất theo quy định. Văn phong chưa mạch lạc, rõ ràng.	Trình bày chưa đúng định dạng quy định, không đủ các phần của một CĐTN, nhiều lỗi chính tả, hình ảnh/biểu bảng không rõ ràng. Không trích dẫn tài liệu hoặc trích dẫn chưa đúng quy định.	

				mạch lạc, rõ ràng.		Văn phong không mạch lạc, lúng cúng, gây khó hiểu.	
Nội dung báo cáo	1-4	40	Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện CĐTĐN) rõ ràng. Nội dung đầy đủ, dữ liệu phong phú, cập nhật, thích hợp cho chủ đề được giao. Lập luận chặt chẽ, có cơ sở rõ ràng, tin cậy.	Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện CĐTĐN) trương đối rõ ràng. Nội dung đầy đủ, dữ liệu trương đối phong phú, cập nhật, thích hợp cho chủ đề được giao. Lập luận có cơ sở rõ ràng, tin cậy.	Đặt vấn đề chưa thực sự rõ. Nội dung đầy đủ nhưng sử dụng thông tin ít thích hợp cho chủ đề được giao. Lập luận có cơ sở chưa thật rõ ràng, tin cậy, mang tính chủ quan.	Không đặt vấn đề hoặc đặt vấn đề không rõ, không liên quan. Nội dung không đầy đủ hoặc không thích hợp với chủ đề được giao. Thiếu lập luận hoặc lập luận không có cơ sở, mang tính chủ quan.	
Vấn đáp	1-4	50	Nắm vững nội dung tiểu luận và vấn đề liên quan; trả lời đúng kiến thức > 80%	Nắm vững nội dung tiểu luận; trả lời đúng kiến thức 60-80%	Nắm được nội dung tiểu; trả lời đúng kiến thức 50-60%	Chưa nắm vững nội dung tiểu luận; trả lời sai kiến thức > 50%	
Tổng cộng							

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi họ tên)

Phạm Thị Minh Thu

(CÁC) GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi họ tên)

Phạm Thị Minh Thu